

Số 25/KH-VTS

Nghĩa Thành, ngày 28 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai trong hoạt động nhà trường năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Tiểu học Võ Thị Sáu xây dựng kế hoạch thực hiện công khai năm học 2025– 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện công khai của các nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Thực hiện công khai để người học, CBGVNV, CMHS và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của Pháp luật.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận. Các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 và thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2. Tùy từng nội dung công khai, nhà trường thực hiện các hình thức công

khai trên cổng thông tin, có thể kết hợp công khai tại bảng tin phòng họp nơi mọi người dễ quan sát, tại các cuộc họp Hội đồng sư phạm, cuộc họp CMHS, zalo các nhóm,...

III. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 8, 9 của Thông tư số 09/2024/TT BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục

1. Thông tin chung về nhà trường (Điều 4, TT09/2024)

- a) Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU
- b) Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử.
- c) Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp.
- c) Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.
- d) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường.
- đ) Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử (Hiệu trưởng).
- e) Tổ chức bộ máy:
 - Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.
 - Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
 - Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
 - Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;
 - Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của Ban giám hiệu;
- g) Các văn bản khác của trường: Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng và các quy định, quy chế nội bộ khác.

2. Thu, chi tài chính (Điều 5, TT09/2024)

- a) Tình hình tài chính của trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:
 - Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; lệ phí và các khoản thu khác từ học sinh; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và

công nghệ; hoạt động khác);

- Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ học sinh (trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

b) Các khoản thu và mức thu đối với học sinh, bao gồm: lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học trước khi tuyển sinh.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh.

d) Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

đ) Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động của nhà trường (Điều 8, TT09/2024)

a) *Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:*

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

b) *Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:*

- Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:*

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;



- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

d) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài (Nếu có) công khai thêm các nội dung sau đây:

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục (Điều 9, TT09/2024)

a) Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch giáo dục của trường;

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở trường;

- Thực đơn hằng ngày của học sinh.

b) Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình.

c) Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

Thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15 của Thông tư số 09/2024/TT BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm:

1. Hình thức công khai (Điều 14, TT09/2024)

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường gồm các nội dung sau:

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện được quy định tại Mục III của Kế hoạch này tính đến tháng 6 hằng năm;
- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục I kèm theo TT09/2024.

- Việc bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu năm học mới:

Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

c) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai (Điều 15, TT09/2024)

a) Thời điểm công khai:

- Công bố công khai các nội dung theo quy định Mục III của Kế hoạch này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024 trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

c) Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều 15, TT09, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch công khai.
- Tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học tiếp theo của nhà trường.

- Xử lý các ý kiến phản hồi sau công khai theo đúng quy trình; Thông báo lại kết quả sau khi xử lý ý kiến thắc mắc.

- Hàng tháng thông báo tới 100% viên chức và người lao động kết quả thực hiện công khai và giải quyết thắc mắc sau công khai trong cuộc họp hội đồng Sư phạm.

- Thông báo kết quả công khai tùy theo từng nội dung công khai: tại bảng tin phòng hội đồng, bảng thông báo ngoài sân trường, tại cuộc họp hội đồng, trên cổng thông tin điện tử của trường, tại cuộc họp CMHS...

- Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm các thành viên thực hiện nhiệm vụ công khai

- Nắm rõ trách nhiệm được phân công thực hiện trong biểu nội dung công khai.

- Nắm rõ nội dung công khai, nguyên tắc công khai, thời gian công khai.

- Thực hiện việc công khai đúng quy định: về nội dung, thời gian, địa điểm, quy trình công khai.

- Thu thập các thông tin phản hồi, ý kiến, khiếu nại, tố cáo... chuẩn bị cho việc giải đáp trả lời ý kiến thắc mắc khiếu nại, tố cáo khi được giao nhiệm vụ.

- Tổng hợp hồ sơ kết thúc công khai.

- Lưu hồ sơ theo quy định

3. Trách nhiệm của người làm chứng

- Thực hiện việc làm chứng khách quan đúng thực chất

- Khi có khiếu nại tố cáo việc thực hiện công khai, người làm chứng cần giữ vững lập trường chứng thực sự việc trung thực khách quan đúng pháp luật.

4. Trách nhiệm của cán bộ giáo viên nhân viên

Giám sát việc thực hiện công khai của Hiệu trưởng. Có ý kiến phản hồi kịp thời khi có những nội dung chưa công khai đầy đủ, chưa đúng nguyên tắc, chưa đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Võ Thị Sáu. Nhà trường yêu cầu các bộ phận, cá nhân công tác, các cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, trong quá trình thực hiện gặp vướng mắc, đề nghị báo cáo Hiệu trưởng để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhân:

- Phòng VH-XH(b/c)
- Trưởng các tổ chức Đoàn thể;(p/h)
- Trưởng các bộ phận; (t/h)
- Website;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Mai

NỘI DUNG**Thực hiện công khai năm học 2025 – 2026***(Ban hành kèm theo kế hoạch số 25./KH-VTS ngày 28/7/2025)*

Thời gian	Nội dung công việc	Người/bộ phận thực hiện	Cách thức công khai (Theo Điều 14/TT09 và thực tế nhà trường)	Ghi chú
Tháng 8/2025	- Rà soát các nội dung đã công khai trên cổng TTĐT theo Mục III kế hoạch này	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Thực hiện công khai các nội dung cần bổ sung	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương và phụ cấp của CBGVNV tháng 9/2025	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Công khai Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học 2025 - 2026	VP, BGH	Website, bảng công khai	
Tháng 9/2024	- Công khai Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Kế hoạch giáo dục của trường năm học 2025 - 2026	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương, phụ cấp tháng 9/2025	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai các văn bản hướng dẫn thu – chi năm học 2025-2026	VP, HT	Website, bảng công khai	
	- Công khai mức thu và các khoản thu năm học 2025 – 2026;	VP, HT	Website, bảng công khai	
	- Công khai phân bổ số người làm	VP, HT	Website,	

	việc năm học 2025-2026		bảng công khai	
Tháng 10/2025	- Công khai thực hiện thu-chi dự toan ngân sách Quý III/2025	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai Nghị quyết HNVC, NLĐ; các quy chế; Nội quy; Quy tắc ứng xử trong nhà trường năm học 2025- 2026	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Công khai kết quả xét nâng lương thường xuyên, trước hạn đợt 3/2025	VP, KT	Website, bảng công khai	
Tháng 11/2025	- Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 10/2025	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương, phụ cấp tháng 11/2025;	VP, KT	Website, bảng công khai	
Tháng 12/2025	- Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 11/2025	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai thực hiện thu-chi dự toan ngân sách Quý IV/2025	VP, KT	Website, bảng công khai	
Tháng 01/2026	- Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 12/2025	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối HK1 năm học 2025 – 2026	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai bản kê khai tài sản năm 2025 của BGH	VP	Website, bảng công khai	
	- Công khai kết quả đánh giá xếp loại CBGVNV học kỳ I	VP, BCHCĐ	Website, bảng công khai	
	- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026; Quy chế quản lý tài sản công năm 2026	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai các ND tài chính: Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách năm 2026; Dự toán thu chi ngân sách năm 2025;...	VP, KT	Website, bảng công khai	
Tháng 02/2026	- Công khai Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 01/2026	VP, PHT	Website, bảng công	

			khai	
	- Công khai bảng lương và phụ cấp tháng 02/2026;	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai thưởng Tết Ất Mão 2026	VP,KT	Website, bảng công khai	
Tháng 3/2026	- Công khai Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 02/2026	VP,PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương và phụ cấp tháng 3/2026;	VP,KT	Website, bảng công khai	
Tháng 4/2026	- Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 3/2026	VP,PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương và phụ cấp tháng 4/2026 ;	VP,KT	Website, bảng công khai	
Tháng 5/2026	- Công khai bảng lương và phụ cấp tháng 5/2026;	VP,KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai Thông báo kết quả đánh giá xếp loại CBGVNV tháng 5 và Kết quả đánh giá thi đua cuối năm học 2025 - 2026	VP	Website, bảng công khai	
	- Công khai Thông báo kết quả kiểm tra nội bộ tháng 5/2026	VP, PHT	Website, bảng công khai	
Tháng 6,7,8/2026	- Công khai Kết quả giáo dục năm học 2025 - 2026	VP, PHT	Website, bảng công khai	
	- Công khai bảng lương và phụ cấp tháng 6,7,8/2026;	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai các nội dung theo TT09/2026	VP, BGH	Website, bảng công khai	
	- Công khai kết quả xét nâng lương thường xuyên, trước hạn đợt 1/2026	VP, KT	Website, bảng công khai	
	- Công khai phương án tuyển sinh, kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026	VP, BGH	Website, bảng công khai	

UBND THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH VÕ THỊ SÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghĩa Thành, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025 – 2026

(Theo Phụ lục I - Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

2. Địa chỉ trụ sở: đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 3, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0376194186

Email: tieuhoc.vothisau.gianghia@gmail.com

Website: clvothisau.pgdgianghia.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường tiểu học công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* **Sứ mệnh:** Xây dựng nhà trường có một môi trường học tập an toàn, thân thiện, học sinh tích cực, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng và hiệu quả giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển một cách toàn diện.

* **Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nhà trường có môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Phần đầu xây dựng trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và giữ vững danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

Phần đầu xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tay nghề ngày càng cao, có tâm và lòng nhiệt thành đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Học sinh có kiến thức, có kỹ năng sống, có ý chí vươn lên phát triển toàn diện.

* **Giá trị cốt lõi:** An toàn – Yêu thương – Tôn trọng

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Võ Thị Sáu được thành lập theo quyết định số 86/TC-CB ngày 20/10/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trường nằm tại trung tâm phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng. Qua quá trình rèn luyện phần đầu nhà trường được công nhận là trường đầu tiên của huyện Đắk Nông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 1113/QĐ-UBND từ ngày 06/9/2006; được công nhận lần 2 theo QĐ số 317/QĐ-UBND từ ngày 28/2/2013; được công nhận lần 3 theo QĐ số 799/QĐ-UBND tỉnh Đắk Nông ngày 28/5/2018. Tháng 12/2023 trường đã được các cấp về kiểm tra và công nhận trường đạt kiểm định mức độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ II.

Xác định đúng đắn trọng trách lãnh đạo của mình, trong các năm qua, Chi bộ đã chỉ đạo nhà trường chú trọng xây dựng được đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm có giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh và đạt được các thành tích cao. Chất lượng giáo dục mũi nhọn hàng năm đứng đầu thành phố của bậc tiểu học, số lượng học sinh Hoàn thành xuất sắc ngày càng tăng. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt 100%, tỷ lệ học sinh lên lớp luôn đạt trên 99%, chất lượng giáo dục đại trà ổn định và giữ vững. Năm học 2025-2026, trường có 39 CB- GV- CNV trong đó CBQL 02 đồng chí, có 01 TPTĐ, 32 giáo viên biên chế. Nhân viên 04 đồng chí trong đó có 4/4 nhân viên đều đạt trình độ chuẩn đào tạo, 05 nhân viên và giáo viên hợp đồng 111. Tổng số học sinh là 977 em được chia thành 26 lớp. Trường có chi bộ Đảng gồm 27 đảng viên, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên. Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần đưa nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trường tiểu học Võ Thị Sáu luôn quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá đối với học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ,

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai;

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0376194186

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Trường Tiểu học Võ Thị Sáu được thành lập theo quyết định số 86/TC-CB ngày 20/10/ 1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Hội đồng trường Tiểu học Võ Thị Sáu được kiện toàn ngày 20 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định số 1329/QĐ-UBND do chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa ký, chủ tịch hội đồng trường: bà Nguyễn Thị Mai và danh sách thành viên hội đồng trường. Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
01	Bà Nguyễn Thị Mai	- Bí thư Chi bộ- HT	Chủ tịch HĐ
02	Bà Phan Thị Nhạn	- Phó hiệu trưởng-CTCĐ	Phó CT HĐ
03	Bà Nguyễn Thị Như Hoa	- Chủ tịch Công đoàn	Thành viên

04	Bà Nguyễn Thị Tố Nga	- Tổng phụ trách Đội	Thành viên
05	Nguyễn Thị Hồng Yến	- Bí thư chi đoàn	Thành viên
06	Bà Trịnh Thị Hiếu	- Tổ trưởng CM	Thành viên
07	Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	- Tổ trưởng CM	Thành viên
08	Bà Nguyễn Thị Chung	- Tổ trưởng Tổ VP	Thư ký
09	Bà sang Thị Thu Hương	- Phó CTUBND xã	Thành viên
10	Ông Ngô Xuân Hùng	- Trưởng BDD CMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mai số 186/QĐ-UBND ngày 06/2/2023 do chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa ký.

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng Phan Thị Nhạn số 1068 /QĐ-UBND ngày 15 /7 /2020 do chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa ký.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Tổ chức tuyển sinh, giảng dạy và giáo dục học sinh thuộc địa bàn tổ 1,2,3,4,10 của phường Nghĩa Thành và tổ 1,2 của phường Nghĩa Tân thành phố Gia Nghĩa

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai, chức vụ Hiệu trưởng, điện thoại 0376194186, địa chỉ thư điện tử: maithanglongnghiatrung@gmail.com

Họ và tên: Phan Thị Nhạn, chức vụ Phó hiệu trưởng, điện thoại 0918770078, địa chỉ thư điện tử: metienhoang@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển nhà trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính,

nhân sự, tài chính; kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác được công khai đầy đủ, đúng quy định.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Năm báo cáo							Năm liền kề năm báo cáo						
		Tổng số	Trình độ đào tạo						Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
		39	0	0	37	0	2	2	41	0	0	39	0	2	0
I	Giáo viên	33	0	0	33	0	0	0	35	0	0	35	0	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	2	0	0	2	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Âm nhạc	2	0	0	2	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0
5	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
6	Thể dục	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	2	0	2	0	4	0	0	4	0	0	0
1	Nhân viên	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	0	0

	văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nhân viên phục vụ	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

* Bảng 1: Số lượng các hạng mục công trình

STT	Nội dung	Năm báo cáo		Năm liền kề	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	40/26	1,25 m ² /học sinh	40/26	1,25 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-		
1	Phòng học kiên cố	40/40		40/40	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-	0	-
3	Phòng học tạm	0	-	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	10.900		10.900	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4000		4000	
VI	Tổng diện tích các phòng				
1	Diện tích phòng học (m ²)	2000		2000	
2	Diện tích thư viện (m ²)	104		104	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0		0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50		50	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50		50	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50		50	

7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	42		42	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)	0		0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)	42		42	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1.1	Khối lớp 1	5		5	
1.2	Khối lớp 2	5		5	
1.3	Khối lớp 3	3		3	
1.4	Khối lớp 4	3		3	
1.5	Khối lớp 5	3		3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định				
2.1	Khối lớp 1				
2.2	Khối lớp 2	1		1	
2.3	Khối lớp 3	2		2	
2.4	Khối lớp 4	2		2	
2.5	Khối lớp 5	2		2	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	24,5 học sinh/bộ	11	90 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi	3		3	
2	Cát xét	1		1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1		1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	28		28	
5	Thiết bị khác...	0		0	
6					

Nội dung	Số lượng(m ²)		Nội dung	Số lượng(m ²)
Nhà bếp	60	60	Nhà bếp	60
Nhà ăn	0	0	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	4	0	

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0
---	-------------------------	---	---	---	---	---

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Bảng 2: Số lượng các thiết bị dạy học**

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Bình quân	So với tiêu chuẩn tối thiểu
1	Thiết bị dạy học tối thiểu các môn học/hoạt động giáo dục			
1.1	Khối lớp 1	3	1/lớp	Đạt
1.2	Khối lớp 2	3	1/lớp	Đạt
1.3	Khối lớp 3	2	1/lớp	Đạt
1.4	Khối lớp 4	2	1/lớp	Đạt
1.5	Khối lớp 5	2	1/lớp	Đạt

2	Thiết bị dạy học dùng chung			
2.1	Tủ/giá đựng thiết bị		1,0 chiếc/lớp	Đạt
2.2	Giá treo tranh		15	Đạt
2.3	Thiết bị thu phát âm thanh		-	Đạt
2.4	Đài đĩa		-	Đạt
2.5	Thiết bị âm thanh đa năng di động		-	Đạt
2.6	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)		-	Đạt
2.7	Máy chiếu (hoặc màn chiếu hiển thị)		-	Đạt
2.8	Máy chiếu vật thể		-	Đạt
2.9	Máy in		-	Đạt
2.10	Máy ảnh (hoặc máy quay)		-	Đạt
2.11	Cân		2	Đạt
2.12	Nhiệt kế		4	Đạt
2.13	Tivi thông minh			Đạt
2.14	Máy photocopy		-	Đạt

Bảng 3: Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

STT	Môn (Hoạt động giáo dục)	Lớp	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	1, 2, 3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán	1, 2, 3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	1, 2, 3, 4, 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học	1, 2, 3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí	4, 5	Kết nối tri thức với	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ	3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tin học	3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	1, 2, 3, 4, 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	GD Nghệ thuật (Âm nhạc)	1, 2, 3, 4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
10	GD Nghệ thuật	1, 2, 3, 4, 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

	(Mĩ thuật)			
11	Giáo dục Thể chất	1, 2, 3, 4, 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	1, 2, 3, 4, 5	Global Succes	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Trường đạt mức chất lượng mức độ 3. Đạt trường chuẩn mức độ 2

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trường đạt mức chất lượng mức độ 3. Đạt trường chuẩn mức độ 2 tháng 12 năm 2023

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026

- Chỉ tiêu: 245 HS/7 lớp
- Số học sinh đã tuyển: 204 HS/5 lớp, đạt 83% .

2. Số liệu học sinh (tính đến hết tháng 8/2025):

Năm học 2025- 2026, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có 960 học sinh, gồm 26 lớp.

Thông tin	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Tổng cộng
Lớp	05	05	06	05	05	26
Số học sinh	207	182	188	181	202	960
Nữ	99	78	102	99	93	471
Dân tộc	8	4	6	7	8	33
Nữ dân tộc	4	2	5	3	4	18
Học sinh khuyết tật	1	0		3	0	4
Học sinh có khó khăn	5	7	6	8	7	33

3. Kết quả đánh giá học sinh

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (Có Báo cáo riêng)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

a) Trường tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 bảo đảm an toàn trường học.

b) Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5.

c) Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tham mưu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

d) Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

e) Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

g) Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, từng bước cải tiến chất lượng các tiêu chí xây dựng trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 17/2018 của Bộ GD&ĐT.

2. Kết quả đánh giá, xếp loại cuối năm học 2024-2025

- Chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Trường Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị văn hoá;
- Công đoàn: xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Chi đoàn: xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Liên đội: xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Website
- CBGVVN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mai

